TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-PT
Ngày: 24-01-2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Thẩm phán: 1. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân;

2. Ông Lưu Văn Uẩn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 24 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 6 năm 2021 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 14/4/2021 của Toà án nhân dân huyện Thủ Thừa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 249/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 238/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Ô I, 4/40 khu phố Ni, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ô I, 5/45 khu phố Ni, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Đỗ Tiến S, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Khu phố Ni, thị trấn T, huyện T, Long An.

(Giấy ủy quyền công chứng thực số 279 ngày 20/12/2021 tại UBND thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ô I, 4/40 khu phố Ni, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

3.2. Bà Trịnh Thị Thanh H, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ô I, 5/45 khu phố Ni, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ô I, 5/46 khu phố Ni, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

(Giấy ủy quyền công chứng thực số 280 ngày 20/12/2021 tại UBND thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An)

3.3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Ô I, 5/45 khu phố Ni, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

3.4. Quỹ Tín dụng Nhân dân thị trấn T, huyện T;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kim T – Chủ tịch.

Địa chỉ: Thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh LongAn.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Hữu L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L trình bày:

Ngày 25/02/2004, ông được Ủy ban nhân dân huyện Thủ Thừa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 71, tờ bản đồ số 6-4, diện tích 95,5m^2, tọa lạc khu phố Ni, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Nguồn gốc thửa đất số 71 do cha là ông Nguyễn Ngọc Đ và mẹ là bà Phan Thị B cho khoảng năm 1989 (khi đó chưa làm thủ tục sang tên). Đến năm 1998, ông được các anh chị em làm bản thỏa thuận phân chia cho ông thửa đất số 71 và ông làm đơn kê khai xin cấp giấy, khi đó không có đo đạc.

Giáp ranh với thửa đất số 71 của ông là thửa đất số 56, tờ bản đồ số 6-4, tọa lạc khu phố Ni, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An của ông Nguyễn Văn T. Ranh giới giữa hai bên trước đây là trụ sở ấp văn hóa Nhà Dài cũ nằm trên thửa đất số 56 của ông T. Trụ sở ấp văn hóa không có vách nên nhờ vách nhà ông. Khi dở trụ sở ấp văn hóa (không nhớ năm), mẹ ông T là bà Huỳnh Thị N1 (đã chết năm 2007) lúc đó là chủ sử dụng đất thửa số 56 liền kề có xin ông cắm cây cột sang đất của ông để bán quán. Vị trí cắm cột ngay vách tường quán cơm của bà N (chị ông T) hiện nay, ranh đầu dưới là ngay cây cột của nhà bà Phan Thị M.

Năm 2000, ông có yêu cầu bà N1 tháo dỡ quán trả đất nhưng bà N1 tháo không đúng diện tích ông yêu cầu. Ông có làm đơn khiếu nại, UBND thị trấn Thủ Thừa đã giải quyết ngày 14/6/2001. Lúc đó, bà N1 không tham gia trực tiếp mà đã ủy quyền cho con trai là ông Nguyễn Văn D tham gia hòa giải. Ông D đã đồng ý dời cột vô 2,25 tấc để đo đạc nhưng khi chính quyền xuống đo thì phía

bà N1 không đồng ý. Sau đó, ông tiếp tục khiếu nại, Ủy ban nhân dân huyện Thủ Thừa giải quyết bác đơn của ông bằng Quyết định số 252/QĐUB ngày 28/01/2002, giữ nguyên hiện trạng đất tranh chấp là mặt trước thửa số 71, có kích thước ngang 4,72m; mặt sau 5,7m; dài 14,78m. UBND huyện Thủ Thừa đã giải quyết không đúng diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông có kích thước chiều ngang mặt trước là 5,41m; mặt sau là 5,47m.

Sau khi UBND huyện Thủ Thừa giải quyết khiếu nại tranh chấp giữa ông với bà N1 thì ông không có khiếu nại nữa và đã xây nhà mới hiện nay trên nền nhà cũ của cha ông để lại. Khi xây dựng nhà vào năm 2002, ông chừa ra 1 phần đất để hàng lu nước do bên nhà ông T làm dữ với ông. Hàng lu nước của ông bị bên gia đình ông T đập bể. Nhà của ông T xây dựng sau nhà ông khoảng nửa tháng. Khi xây nhà hai bên không tranh chấp. Ông không có khiếu nại tiếp do khi đó ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cho đến năm 2016 ông mới tranh chấp ranh đất với ông T (do ông T đã được thừa kế thửa đất số 56). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 56 của bà N1, ông T không có ghi kích thước chiều ngang. Khi bà N1 chuyển quyền sử dụng đất cho ông T thửa số 56 không có ký giáp ranh với các hộ xung quanh. Thửa đất số 71 hiện nay ông đang thế chấp cho Quỹ tín dụng thị trấn T để vay tiền (thời hạn vay còn khoảng 2 năm)

Ông L khởi kiện yêu cầu ông T phải tháo dỡ toàn bộ công trình kiến trúc (một phần vách và mái nhà của ông T) có trên phần đất ký hiệu khu O1 diện tích 1.4m^2, khu P1 diện tích 7.5m^2 và yêu cầu bà N tháo dỡ toàn bộ công trình kiến trúc (vách và mái nhà tiền chế) có trên phần đất ký hiệu khu O2 diện tích 0.3m^2, khu P2 diện tích 1.2m^2 để trả lại cho ông phần đất có ký hiệu khu P (gồm P1 + P2) diện tích 8,7m^2, khu O (gồm O1 + O2) diện tích 1,7m^2 theo Mảnh trích đo địa chính ngày 26/3/2018 và Mảnh trích đo địa chính ngày 24/11/2020 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất Hưng Phú.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 13/01/2014, ông Nguyễn Văn T được UBND huyện Thủ Thừa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 56, diện tích 172.7m^2, tờ bản đồ số 6-4, tọa lạc khu phố Ni, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Nguồn gốc đất do bà Huỳnh Thị N1 là mẹ ruột ông T cho. Khi ông T nhận chuyển quyền thửa đất số 56 chỉ sang tên chứ không ký giáp ranh, đo đạc do trước đó khi bà N1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã có đo đạc, ký biên bản xác định ranh giới, mốc giới đất với các hộ xung quanh ngày 11/11/1997. Việc ông L nói bà N1 khi còn sống có xin ông L cắm cột để làm quán bán cơm là không có. Ranh giới giữa thửa đất số 56 của ông T và thửa đất số 71 của ông L là vách tường nhà của ông L. Năm 2002, khi ông L tranh chấp với bà N1 và bị UBND huyện Thủ Thừa bác đơn khiếu nại, ông L mới xây dựng nhà như hiện nay. Khi ông L, ông T xây dựng nhà hai bên không có tranh chấp. Nhà của ông T xây dựng sau nhà ông L. Từ khi xây nhà cho đến nay, nhà ông T không có sửa chữa gì.

Phần đất khu B, O2, P2 ông T cho bà N là chị ruột mượn để làm quán bán cơm. Phần mái che tiền chế làm quán cơm là do bà N xây dựng khoảng năm 2000 sau khi ông L xây nhà xong. Đến năm 2020, bà N có sửa chữa quán do bị hư hỏng.

Ông T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L do phần đất tranh chấp khu O, P là thuộc quyền sử dụng của ông T và vợ là bà Trịnh Thị Thanh H. Trường hợp ông L thắng kiện thì ông T sẽ tự tháo dỡ toàn bộ công trình kiến trúc đã xây dựng có trên phần đất tranh chấp mà không yêu cầu ông L phải bồi thường hỗ trợ di dời.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị N trình bày:

Quyền sử dụng thửa đất số 56, tờ bản đồ số 6-4, tọa lạc khu phố Ni, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An là thuộc quyền sử dụng của ông T và bà H. Bà chỉ mượn phần đất khu B, O2, P2 để làm quán cơm. Phần mái che tiền chế làm quán cơm là do bà xây dựng khoảng năm 2000 sau khi nhà ông L xây nhà xong. Đến năm 2020, bà có sửa chữa lại ngay vị trí quán cũ. Nếu trường hợp ông L thắng kiện thì bà sẽ tự tháo dỡ công trình kiến trúc đã xây dựng có trên phần đất tranh chấp mà không yêu cầu ông L, ông T bồi thường hỗ trợ di dời gì.

2. Bà Lê Thị Ngọc L trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Hữu L. Khi Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L thửa đất số 71 có kích thước cụ thể, có địa chính thị trấn Thủ Thừa đo đạc ông L mới đi kê khai đăng ký cấp giấy nên vợ chồng bà mới căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp để khởi kiện.

3. Quỹ Tín dụng nhân dân thị trấn Thủ Thừa: Không có ý kiến gì về việc tranh chấp ranh đất giữa ông L, ông T.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 14/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đã căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 175 Bộ Luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu L đối với ông Nguyễn Văn T về việc buộc ông Nguyễn Văn T trả phần đất có ký hiệu khu P diện tích 8,7m^2, khu O diện tích 1,7m^2 và không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hữu L buộc ông Nguyễn Văn T tháo dỡ toàn bộ công trình kiến trúc có trên phần đất có ký hiệu khu O1 diện tích 1.4m^2 , khu P1 diện tích 7.5m^2 theo Mảnh trích đo địa chính của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú ngày 26/3/2018 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thủ Thừa duyệt

ngày 17/7/2018 và Mảnh trích đo địa chính ngày 24/11/2020 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất Hưng Phú.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu L về việc buộc bà Nguyễn Thị N tháo dỡ toàn bộ công trình kiến trúc có trên phần đất tranh chấp ký hiệu khu O2 diện tích 0.3m^2, khu P2 diện tích 1.2m^2 theo Mảnh trích đo địa chính của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú ngày 26/3/2018 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Thủ Thừa duyệt ngày 17/7/2018 và Mảnh trích đo địa chính ngày 24/11/2020 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất Hưng Phú.

2. Về lệ phí thẩm định, đo đạc, định giá: Ông Nguyễn Hữu L phải chịu toàn bộ là 11.700.000 đồng và đã nộp, chi xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001932, ngày 06/02/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002038, ngày 31/3/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn về quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 27/4/2021, ông Nguyễn Hữu L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo. Bị đơn do ông Đỗ Tiến S đại diện không rút đơn phản tố đối ông Nguyễn Hữu L và yêu cầu độc lập đối với bà Phan Thị M. Các đương sự không xuất trình, giao nộp bổ sung chứng cứ nào mới.

Ông Nguyễn Hữu L cho rằng thửa đất số 71 bị bà Huỳnh Thị N1 mẹ ruột ông Nguyễn Văn T lấn chiếm; đã được UBND huyện Thủ Thừa giải quyết vào năm 2002 cũng là phần đất ông L đang tranh chấp với ông T tại khu P và khu O, có diện tích 10,4m^2, theo Mảnh trích đo địa chính nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông T dỡ nhà, trả lại phần đất lấn chiếm cho đủ diện tích được Nhà nước cấp giấy cho ông L.

Ông Đỗ Tiến S cho rằng phần đất tranh chấp giữa ông T với bà M tại khu L và N, có diện tích 0,32m^2, theo Mảnh trích đo địa chính có liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Hữu L vì phần đất này ông L đã chuyển nhượng bằng giấy tay cho bà M vào năm 1998 nhưng Tòa án sơ thẩm lại tách

yêu cầu khởi kiện của ông T với bà M thành vụ án khác và không có bà M tham gia tố tụng vụ án này là không đúng, nhưng do Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L nên ông T không có kháng cáo việc Tòa án không xem xét yêu cầu phản tố của ông T trong vụ án.

Hội đồng xét xử công bố bổ sung Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 29/12/2021 và 10 ảnh chụp hiện trạng tài sản tranh chấp đính kèm. Các đương sự đều thống nhất đối với các tài liệu, chứng cứ mới này.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

Về yêu cầu kháng cáo của đương sự: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Phan Thị M vào tham gia tố tụng vụ án là thiếu người tham gia tố tụng. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm tách yêu cầu độc lập của ông T đối với bà M có liên quan đến phần đất tranh chấp tại khu L và N, có nguồn gốc do ông Nguyễn Hữu L bán bằng giấy tay cho bà M vào năm 1998 thành vụ án khác là không đảm bảo giải quyết toàn diện và triệt để vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hữu L làm đúng thủ tục và nộp trong thời hạn luật định nên vụ án được xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Hữu L yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả lại phần đất lấn chiếm diện tích khoảng 12m^2 (chiều ngang phía trước 0,71m, chiều ngang phía sau 0,67m và chiều dài 18m) và yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N tháo dỡ một phần nhà trên phần đất (tại khu O, P có diện tích 10,4m^2) thuộc một phần thửa số 71, để trả đất cho ông L. Ông Nguyễn Văn T phản tố và có yêu cầu độc lập đối với ông Nguyễn Hữu L, bà Phan Thị M yêu cầu trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 3m^2 (chiều ngang 0,6m, chiều dài 3m) và tháo dỡ tấm tường xây lấn và mái che trên đất (thể hiện tại khu L, N có diện tích 0,32m^2) thuộc một phần thửa số 56; các thửa đất cùng tờ bản đồ số 6-4, tọa lạc tại ấp Nhà Dài, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, nên Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp.

[3] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo thấy rằng: Phần đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Hữu L và ông Nguyễn Văn T do các đương sự xác định thuộc khu O, diện tích 1,7m^2 và khu P, diện tích 8,7m^2; tổng cộng là 10,4m^2. Phần đất ông Nguyễn Văn T phản tố và có yêu cầu độc lập đối với ông Nguyễn Hữu L, bà Phan Thị M do đương sự xác định thuộc khu L, diện tích 0,15m^2 và khu N, diện tích 0,17m^2; tổng cộng 0,32m^2; theo Mảnh trích đo địa chính số -2018 ngày 26/3/2018 của Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất Hưng Phú, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Thủ Thừa duyệt ngày 17/7/2018.

[5] Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết đối yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của ông T trong cùng vụ án là đúng quy định pháp luật, nhưng sau đó Tòa án cấp sơ thẩm lại quyết định tách yêu cầu độc lập của ông T đối với bà M tại khu L và N thành vụ án khác và không đưa bà M, những người đang quản lý, sử dụng nhà ở, tài sản gắn liền với thửa đất số 55, tờ bản đồ số 6-4, tọa lạc tại ấp Nhà Dài, huyện Thủ Thừa vào tham gia tố tụng trong vụ án là thiếu xót; trong khi phần đất tranh chấp giữa ông T với bà M tại khu L và N có nguồn gốc do ông L chuyển nhượng cho bà M bằng giấy tay vào năm 1998. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của ông T đối với ông L, bà M tại khu L và N chỉ là ý kiến phản đối nên không xem xét giải quyết và cũng không đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này là không đúng quy định pháp luật. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và không đảm bảo việc giải quyết toàn diện và triệt để các tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông L, ông T và bà M nên cần hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm là phù hợp.

[6] Từ phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo ông L và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận. Ông L không phải chịu án phí phúc thẩm; nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm được xác định lại khi Tòa án giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử;

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 14/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L với bị đơn ông Nguyễn Văn T; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa thụ lý, giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về chí phí tố tụng và án phí sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu L không phải chịu án phí phúc thẩm và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn/ĐanThanh.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Phương